Ngày soạn : … Ngày dạy: …

**Tiết theo KHDH: 9**

ÔN TẬP GIỮA KỲ 1

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I.** **Mục tiêu**:

**1. Kiến thức**

***-*** Tổng hợp các kiến thức của ba bài học. Bài 1: Tam giác đều. hình vuông. lục giác đều; Bài 2: Hình chữ nhật. Hình thoi; Bài 3: Hình bình hành.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức: Nhận xét về hình; cách vẽ hình; Công thức tính chu vi, diện tích(nếu có) của mỗi hình.

**2. Năng lực**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực tính toán : Tính nhanh và chính xác kết quả.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học để ghi nhớ các kiến thức đã học; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1 - GV:** SGK, KHBD, thước kẻ, compa; máy chiếu hoặc bảng phụ

**2 - HS** : SGK; compa; thước kẻ; kéo; giấy màu ; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 7 phút)

- Trình bày sơ đồ tư duy theo yêu cầu của tiết học hôm trước

+ Tổ 1: Bài 1: Tam giác đều. hình vuông. lục giác đều;

+ Tổ 2: Bài 2: Hình chữ nhật. Hình thoi;

+ Tổ 3: Bài 3: Hình bình hành.

**a) Mục tiêu:** Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1->Bài 3.

**b) Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 1 -> Bài 3 một cách ngắn gọn, trực quan (Hs đã cb ở nhà)

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:** GV chỉ định đại diện nhóm treo sản phẩm theo yêu cầu tiết trước ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -> Tổ 3 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý)

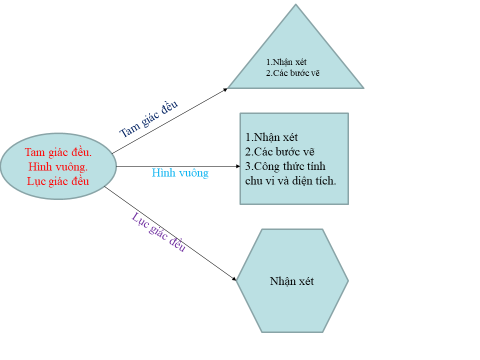
**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**\* Báo cáo, thảo luận 1:**Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

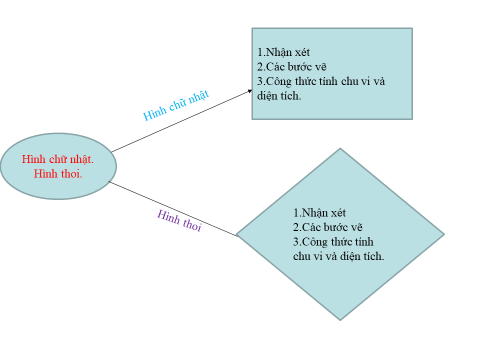
**\* Kết luận, nhận định 1:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành nhanh vào vở ghi

**Sản phẩm dự kiến**

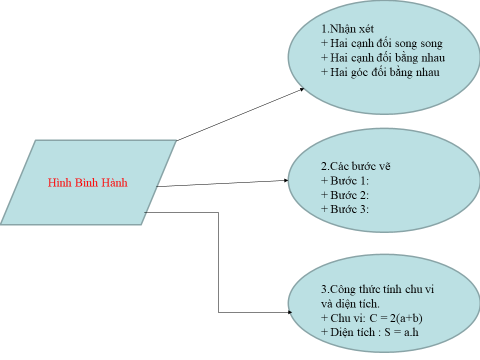
**Nhóm 1:**



**Nhóm 2:**

****

**Nhóm 3:**



**2. Hoạt động 2: Luyện tập** (khoảng 27 phút)

**a) Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức qua hai phần: Phần trắc nghiệm và phần tự luận thông qua một số bài tập.

HS được củng cố về Vẽ hình

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

HS vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *GV yêu cầu HS làm phần bài tập* ***Trắc nghiệm:***  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:** GV yêu cầu HS hoạt động theo cá nhân  *( Chọn đáp án đúng nhất)*  **Bài 1**: Cho một tam giác đều bất kỳ nếu biết tổng 3 góc của tam giác đó bằng 180 độ. Hỏi một góc của tam giác đó bằng bao nhiêu độ  **A:** 40 độ **B:** 50 độ **C:** 60 độ **D:** 70 độ  **Bài 2:** Hình có 4 cạnh bằng nhau là hình gì ?  **A:** Hình bình hành **B:** Hình vuông  **C:** Hình chữ nhật **D:** Hình thoi  **Bài 3:** Chohình bình hành ABCD có chu vi là 30cm. Biết độ dài cạnh AB là 6cm. Hãy cho biết độ dài cạnh BC của hình bình hành đó là bao nhiêu cm?  **A:** 9cm **B:** 6cm  **C:** 8cm **D:** 11cm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS suy nghĩ tìm đáp án  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trả lời và giải thích  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  *GV yêu cầu HS làm phần bài tập* ***Tự Luận:***  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  + Yêu cầu hs đọc bài và cho biết bài toán cho biết gì và hỏi gì?  **Bài 4**: Trên một thửa đất hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng 20m, người ta định làm một vườn để trồng rau có con đường đi xung quanh với chiều rộng của đường là 2m như Hình vẽ.  a) Tính diện tích phần vườn trồng rau  b) Người ta làm hàng rào xung quanh phần vườn trồng rau và ở một góc vườn rau có để cửa ra vào rộng 2,5m. Tính độ dài của hàng rào đó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS suy nghĩ tìm lời giải  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu lần lượt Hs thực hiện trên bảng  - HS cả lớp quan sát bài làm trên bảng, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét bài làm của HS, chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  **Bài 5**: Phòng khách nhà Bác Nam có nền là hình chữ nhật dài 5m rộng 7m.  a)Tính diện tích nền nhà.  b)Bác Nam muốn lát nền nhà bằng các viên gạch hình vuông có cạnh là 50 cm. Hỏi Bác Nam cần dùng bao nhiêu viên gạch như thế. Biết diện tích các mối nối có sự hao hụt không đáng kể.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - Nhóm làm xong trước lên bảng trình bày.  - Các nhóm chấm điểm chéo.  - HS cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chuẩn hóa lời giải và tuyên dương nhóm làm tốt. | **I) Trắc nghiệm:**  **Bài 1:** Đáp án C: 60 độ  **Bài 2:** Đáp án D: Hình thoi  **Bài 3:** Đáp án A: 9cm    **II) Tự luận:**  **Bài 4:**    **Giải**  a) Chiều dài của phần vườn trồng rau là:  m  Chiều rộng của phần vườn trồng rau là:  m  Diện tích phần vườn trồng rau(Hình chữ nhật) là:  m2  b) Chu vi của hình chữ nhật( độ dài của hàng rào nếu rào kín) là:  m  Do để cửa vào rộng 2,5m, nên chiều dài của hàng rào là:  m  Đáp số: a) 320 m2  b) 69,5 m  **Bài 5**: Phòng khách nhà Bác Nam có nền là hình chữ nhật dài 5m rộng 7m.  a)Diện tích nền nhà hình chữ nhật là:  (m2)  Đổi 50 (m2) = 500 000 (cm2)  Diện tích của một một viên gạch hình vuông là:  (cm2)  Số viên gạch Bác Nam cần dùng để lát nền nhà là:  (viên gạch) |

**3. Hoạt động 3: Hoạt động vận dụng** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

HS: Được cắt ghép thực hành

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

HS sử dụng giấy màu, kéo để tạo ra sản phẩm

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hành của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  *GV yêu cầu HS thực hành theo nội dung bài*  **Bài 6**: Cắt một hình tròn O có bán kính 2cm, từ hình tròn đó em hãy cắt làm sao để được hình lục giác đều có cạnh 2cm. Nối 3 đường chéo chính của hình lục giác đều đó ta được 6 tam giác nhỏ. Hãy cắt lấy 1 tam giác nhỏ đó theo em tam giác cắt ra đó là tam giác gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - Hs thực hiện vẽ, cắt theo yêu cầu  *( Nếu HS chưa thực hiện được GV sẽ gợi ý cách làm )*  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - HS báo cáo sản phẩm  - Hs khác nhận xét đánh giá  **\* Kết luận, nhận định 5:**  GV nhận xét, đánh giá, và thông báo lại cách làm thao tác vẽ gấp, cắt để được sản phẩm theo yêu cầu. Gv liên hệ thực tế làm đèn Lồng; làm múi quả bóng đá | **Bài 6:**  - Cách vẽ lục giác đều  - Thực hành |

**\* Hướng dẫn học ở nhà**( Khoảng 1 phút)

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Làm bài tập: Đo và tính chu vi, diện tích của quyển sách giáo khoa toán 6 tập 1 Cánh Diều theo đơn vị là cm

- Giờ học sau **kiểm tra giữa kỳ** cả phần **số** và **hình** học.

- Tìm hiểu trước và đọc trước bài 4 “**Hình thang cân**”.

Ngày soạn : … Ngày dạy: …

**Tiết theo KHDH: 23**

ÔN TẬP GIỮA KỲ 1

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. Mục tiêu**:

**1. Kiến thức***:* HS được củng cố các kiến thức về: Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên; Các phép tính về số tự nhiên; Lũy thừa với số mũ tự nhiên; Quan hệ chia hết, dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9; Số nguyên tố, hợp số. Phân tích một số ra TSNT

**2. Năng lực:**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực tính toán : Tính nhanh và chính xác kết quả.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, …

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1 - GV:** SGK, KHBD, thước kẻ; máy chiếu hoặc bảng phụ

**2 - HS** : SGK; thước kẻ; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** *( Khoảng 6 phút )*

Vẽ và trình bày sơ đồ tư duy về kiến thức đã được học từ bài 1 cho đến bài 11 phần số học

**a) Mục tiêu:** Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1->Bài 11.

**b) Nội dung: +** KT trọng tâm từ bài 1 đến bài 11

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 1 -> Bài 11 một cách ngắn gọn, trực quan (Hs đã cb ở nhà)

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ học tập 1:**

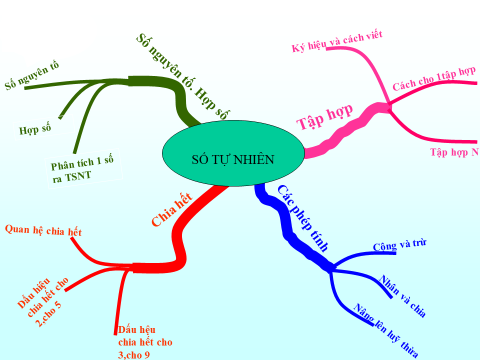
+ GV chỉ định đại diện các nhóm báo cáo kết quả ( 1HS đại diện nhóm treo kết quả đã chuẩn bị ở nhà )

**- HS thực hiện nhiệm vụ 1:** Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.

**- Báo cáo, thảo luận 1:** Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.

**- Kết luận, nhận định 1:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**Sản phẩm dự kiến**



**2. Hoạt động 2: Luyện tập** *( Khoảng 27 phút )*

**a) Mục tiêu:**  Học sinh làm được, luyện được các dạng bài tập về tập hợp, tính toán, tìm x, chia hết, số nguyên tố.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm các bài tập theo nhóm hoặc cá nhân.

**c) Sản phẩm:** + Kết quả của cá nhân hoặc nhóm

+ HS ghi đầy đủ lời giải vào vở ghi

**d) Tổ chức thực hiện**

**2.1- Dạng 1: Tập hợp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV giao nhiệm vụ học tập 2: y**êu cầu hs làm bài tập  **Bài 1**: a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn bằng 7 và nhỏ hơn 15 theo hai cách.  b) Tập hợp A có bao nhiêu phần tử ?  c) Điền các ký hiệu thích hợp vào ô trống:  7 🞏 A ; {8; 11} 🞏 A ; 15 🞏 A;  **Bài 2:**Cho các tập hợp:  a) Viết lại tập hợp B và C bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng của các phần tử trong tập hợp.  b) Điền các ký hiệu thích hợp vào ô trống:  13 🞏 B ; {15; 16} 🞏 B ;  0 🞏 C; 4 🞏 C  **HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS làm việc cá nhân  **Báo cáo, thảo luận 2:**  - Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu 1 HS trình bày bảng.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá kết quả của HS  GV nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm phần tập hợp. | **Bài 1**:  a) Cách 1: Viết tập hợp bằng cách liệt kê    Cách 2: Viết tập hợp bằng cách chỉ ra tính chất đực trưng của các phần tử trong tập hợp  b) Tập hợp A có 8 phần tử  c)  ;  ;  **Bài 2:**  a)  hoặc  hoặc  hoặc    hoặc  b)  ; ;  ; |

**2.2- Dạng 2: Các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên luỹ và tìm x**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  **Bài 3: Thực hiện phép tính:**          **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 4 HS lên bảng trình bày kết quả.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả từng câu, chuẩn hóa quy tắc nâng lên lũy thừa, chính xác hóa thứ tự thực hiện phép tính.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  **Bài 4:** Tìm số tự nhiên x biết:   1. 23 + 3x = 125 2. 70 – 5(x – 3) =45 3. (x - 11) . 4 = 43 : 2 4. 9x – 33 = 32021 : 32020   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS hoạt động cá nhân lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - Lời giải  - 4 HS lên bảng làm  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng ý.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 3: Thực hiện phép tính:**    **Bài 4:** Tìm số tự nhiên x biết:        Vậy x = 34        Vậy x = 8        Vậy x = 19        Vậy x = 4 |

**2.3- Dạng 3: Số nguyên tố, hợp số**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  **Bài 5:** Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố rồi tìm tậphợp các ước cả nó.   1. **18 b) 100**   **Bài 6:** Thay một chữ số vào dấu \* để được các số sau  ;    1. Là số nguyên tố 2. Là hợp số   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài 8,  2 HS đứng tại chỗ trình bày kết quả bài 9.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng bài.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV chính xác hóa kết quả. | **Bài 5:**      Tập hợp các ước của 18 là :        Tập hợp các ước của 100 là :    **Bài 6:**   1. Các số nguyên tố là:   11 ; 13 ; 17 ; 19  83 ; 87 ; 89   1. Các hợp số là   12 ; 14 ; 15 ; 16 ; 18  81 ; 82 ; 84 ; 85 ; 86 ; 87 ; 88 |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng** *( Khoảng 10 phút )*

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học để giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** - HS được yêu cầu làm cá bài tập theo nhóm hoặc à việc cá nhân

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Dạng 4: Chia hết**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 6:**  **Bài 7**: Số học sinh các khối 6; 7; 8; 9 của một trường lần lượt là 204; 270; 210; 225.  **1)** Với số học sinh mỗi hàng như nhau, khối nào có thể sếp thành:   1. 2 hàng 2. 5 hàng 3. 9 hàng   **2)** Có thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 5 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau được không ?  **3)** Có thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 9 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau được không ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 6:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức nhóm cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 6:**  - Đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 6:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **Bài 7**: Số học sinh các khối 6; 7; 8; 9 của một trường lần lượt là 234; 270; 210; 225.  **1)** Với số học sinh mỗi hàng như nhau:  **a)** Khối có thể sếp thành 2 hàng là khối 6; 7; 8. Vì:  204 có chữ số tận cùng là 4 nên 2  270 có chữ số tận cùng là 0 nên 2  210 có chữ số tận cùng là 0 nên 2  **b)** Khối có thể sếp thành 5 hàng là khối 7; 8; 9. Vì:  270 có chữ số tận cùng là 0 nên 5  210 có chữ số tận cùng là 0 nên 5  225 có chữ số tận cùng là 5 nên 5  **c)** Khối có thể sếp thành 9 hàng là khối 7; 9. Vì:  do  do  **2)** Không thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 5 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau.  Vì  không chia hết cho 5  **3)** Có thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 9 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau. Vì    chia hết cho 9 |

**# Hướng dẫn học về nhà***( Khoảng 2 phút )*

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.

- Làm bài tập: **Tính tổng**





**GVHD:** a) + Tính số số hạng

+ Tổng = ( số đầu + số cuối).Số số hạng : 2

b) Nhân thêm 2 vế với 3

- Giờ học sau **Kiểm tra giữa kỳ** cả phần **số** và **hình** học.

- Tìm hiểu trước và đọc trước Bài 12 “**ƯC và ƯCLN**”.